

Số: 322/2025/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 18 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;

Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BNV ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Quyết định này bãi bỏ các Quyết định sau: Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 15

tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Ban TĐKT TW (HN, TP HCM);
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB&QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp (cập nhật CSĐLQG về pháp luật);
- Trung tâm TTĐH, VPUBND tỉnh;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Trí Quang



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VINH LONG

3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
(Kèm theo Quyết định số 322/2025/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các nội dung phân cấp, phân quyền theo quy định tại khoản 1 khoản 3 Điều 24, khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 28, Điều 74, Điều 75, khoản 1 Điều 84, khoản 2 Điều 93 Luật Thi đua, khen thưởng; Điều 6 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây viết tắt là Nghị định số 152/2025/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cá nhân, tập thể, hộ gia đình người Việt Nam; cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xét thi đua, khen thưởng.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng và xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

Ngoài việc tuân thủ các nguyên tắc về thi đua, khen thưởng theo quy định tại Điều 5 Luật Thi đua, khen thưởng, Điều 4 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP, việc bình xét khen thưởng tổ chức theo từng nhóm đối tượng giữa những người giữ chức vụ tương đương nhau:

1. Giữa ban lãnh đạo và các chức danh tương đương trong cùng cơ quan cấp tỉnh; Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã/phường (sau đây gọi tắt là cấp xã) trong cùng một xã.

2. Giữa lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc, các chức danh tương đương thuộc cơ quan cấp tỉnh; giữa lãnh đạo các phòng, ban và các chức danh tương đương các cơ quan cấp xã (hoặc giữa cá nhân là ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy xã).

3. Giữa công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong cùng cơ quan, đơn vị, địa phương và người lao động trực tiếp với nhau. Trong nhóm này, có thể phân ra những người có cùng hoặc gần giống nhau về ngành, nghề, nhiệm vụ được giao để xét thi đua, khen thưởng.

4. Việc phân nhóm đối tượng để xét khen thưởng do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét quyết định phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị, chú trọng khen thưởng đối tượng công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; những người trực tiếp lao động, sản xuất.

Chương II **ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG** **DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG**

Mục 1 **DANH HIỆU THI ĐUA**

Điều 4. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm và năm học đối với hệ thống giáo dục quốc dân cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng; khoản 5 Điều 2 Thông tư số 15/2025/TT-BNV ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Nội vụ Quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây viết tắt là Thông tư số 15/2025/TT-BNV).

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng cho công nhân (không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này) đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm.

b) Chấp hành tốt các nội quy, quy trình sản xuất; có ý thức tổ chức kỷ luật; trong lao động, sản xuất có sáng tạo, sáng kiến cải tiến kỹ thuật hoặc áp dụng cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động.

3. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng cho nông dân, người lao động (không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này) gương mẫu chấp hành tốt các quy định nơi cư trú; áp dụng kỹ thuật tiên bộ trong lao động, sản xuất; có cách làm mang lại hiệu quả cao trong lao động, sản xuất được cộng đồng suy tôn, công nhận và đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 5. Danh hiệu “Cờ thi đua của tỉnh”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của tỉnh” được xét tặng hằng năm cho tập thể dẫn đầu các cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tổ chức đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (nếu có).

b) Tổ chức đầy đủ các Phong trào thi đua và thực hiện nghiêm túc các quy định, quy chế của cụm, khối thi đua.

c) Có Phong trào thi đua được tổ chức thường xuyên, thiết thực, hiệu quả; có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể, đơn vị khác trong, ngoài tỉnh học tập.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của tỉnh” để tặng cho tập thể dẫn đầu Phong trào thi đua theo chuyên đề do tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Tổ chức, triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung của Phong trào thi đua theo chuyên đề do tỉnh phát động; ban hành đầy đủ các văn bản thực hiện phong trào thi đua; có tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào và khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong thực hiện phong trào theo thẩm quyền.

b) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua, nhiệm vụ đã đăng ký hoặc được giao trong phong trào, được bình chọn là đơn vị có thành tích tiêu biểu xuất sắc, dẫn đầu Phong trào thi đua.

c) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.

d) Được cụm, khối thi đua hoặc Ban Chỉ đạo cấp tỉnh hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ thường trực triển khai phong trào và các cơ quan liên quan xét, chọn và đề nghị.

Điều 6. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Đối tượng xét tặng “Tập thể lao động xuất sắc”, gồm:

a) Đối với cấp tỉnh, gồm:

Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là cơ quan đảng, đoàn thể cấp tỉnh); Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi tắt là sở, ban, ngành cấp tỉnh); các tổ chức hành chính và tương đương thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh.

Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh; Văn phòng chuyên trách giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh.

Phòng chuyên môn và tổ chức tương đương thuộc các cơ quan tham mưu,

giúp việc Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

Văn phòng, phòng chuyên môn, nghiệp vụ, chi cục và tổ chức tương đương thuộc cơ cấu tổ chức của sở, ban, ngành cấp tỉnh.

Phòng và tổ chức tương đương thuộc cơ cấu tổ chức của chi cục và tương đương thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp, gồm:

Các đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Các khoa, phòng và tổ chức tương đương thuộc các đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của cấp có thẩm quyền; tổ, đội có ít nhất 10 người trở lên và có quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền.

c) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh, gồm:

Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác, hợp tác xã (trừ các tập đoàn kinh tế, tổng công ty) và các đơn vị trực thuộc như chi nhánh, văn phòng đại diện, xí nghiệp, phòng, phân xưởng; tổ, đội có ít nhất 10 người trở lên và có quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền.

d) Đối với cấp xã, gồm:

Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

Ủy ban nhân dân cấp xã, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã, phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; các tổ chức hành chính cấp xã.

Điều 7. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, gồm:

a) Đối với cấp tỉnh, gồm:

Phòng và tổ chức tương đương thuộc cơ quan đảng, đoàn thể cấp tỉnh; Văn phòng, phòng chuyên môn, nghiệp vụ, chi cục và tổ chức tương đương thuộc cơ cấu tổ chức của sở, ban, ngành tỉnh; tổ chức hành chính và tương đương thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh.

Phòng và tổ chức tương đương thuộc cơ cấu tổ chức của chi cục và tương đương thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp, gồm:

Các đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của cấp có thẩm

quyền (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh).

Các khoa, phòng và tổ chức tương đương thuộc các đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của cấp có thẩm quyền; tổ, đội có ít nhất 07 người trở lên và có quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền.

c) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh, gồm:

Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác, hợp tác xã (trừ các tập đoàn kinh tế, tổng công ty) và các đơn vị trực thuộc như chi nhánh, văn phòng đại diện, xí nghiệp, phòng, phân xưởng; tổ, đội có ít nhất 07 người trở lên và có quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền.

d) Đối với cấp xã, gồm:

Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị sự nghiệp cấp xã.

Mục 2 **HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG**

Điều 8. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể, hộ gia đình; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022, gồm:

1. Khen công trạng

a) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể đạt tiêu chuẩn được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng.

b) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng.

c) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho công nhân, nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động, sản xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp:

Công nhân: Có 01 sáng kiến trở lên mang lại hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh hoặc có những đóng góp thiết thực, hiệu quả trong việc hỗ trợ, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề được cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp ghi nhận.

Nông dân: Có mô hình sản xuất, kinh doanh hiệu quả và ổn định từ 02

năm trở lên; hỗ trợ, giúp đỡ cho hộ nông dân cùng địa phương giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động được địa phương ghi nhận.

Người lao động: Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã và được ghi nhận, nêu gương, học tập.

2. Khen thưởng Phong trào thi đua (chuyên đề).

a) Tập thể, hộ gia đình và cá nhân đạt thành tích tiêu biểu, xuất sắc sau khi sơ kết, tổng kết các Phong trào thi đua (chuyên đề) do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phát động hoặc do cơ quan đảng, đoàn thể, sở, ban, ngành cấp tỉnh phát động có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh đã được sự thống nhất của Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch phát động thi đua.

Cơ cấu, số lượng xét khen thưởng của mỗi Phong trào thi đua (chuyên đề): cấp tỉnh 40%, cấp xã 60%. Đối tượng đề tặng Bằng khen là tập thể, hộ gia đình và cá nhân trực tiếp thực hiện Phong trào thi đua (phải tham gia thực hiện phong trào ít nhất 2/3 thời gian trở lên đến thời điểm sơ kết, tổng kết) với số lượng không vượt quá chỉ tiêu quy định, cụ thể như sau:

Sơ kết, tổng kết 2 năm: Tặng 15 Bằng khen (tập thể và cá nhân).

Sơ kết, tổng kết 3 năm: Tặng 20 Bằng khen (tập thể, hộ gia đình, cá nhân).

Sơ kết, tổng kết 4 năm: Tặng 25 Bằng khen (tập thể, hộ gia đình, cá nhân).

Sơ kết, tổng kết 5 năm trở lên: Tặng 30 Bằng khen (tập thể, hộ gia đình và cá nhân).

Riêng đối với các Phong trào thi đua (chuyên đề) chỉ có 01 cấp tham gia khi tổng kết 05 năm trở lên: Tặng 15 Bằng khen (tập thể, hộ gia đình và cá nhân).

Tùy theo tính chất, nội dung, thành tích đạt được trong thực hiện các Phong trào thi đua (chuyên đề) để xem xét số lượng, đối tượng khen thưởng tập thể, hộ gia đình hay cá nhân cho phù hợp, đảm bảo đúng thực chất.

b) Tập thể, cá nhân thuộc các bộ, ban, ngành Trung ương, các địa phương ngoài tỉnh, các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu, tập đoàn kinh tế do Trung ương thành lập và quản lý, các cơ quan thuộc ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh hằng năm và giai đoạn.

c) Tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhiệm kỳ trước nhân dịp Đại hội nhiệm kỳ mới của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp cấp tỉnh; trong hoạt động nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: Số lượng đề nghị khen thưởng không quá 30 Bằng khen (tập thể và cá nhân).

d) Tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc tại Đại hội Đảng, Đại hội Thi đua yêu nước, Hội nghị biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến cấp tỉnh, Hội nghị tổng kết thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch hoặc chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, khen thưởng thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Số lượng đề nghị khen thưởng không quá 30 Bằng khen (tập thể và cá nhân).

đ) Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, đóng góp tích cực cho sự phát triển của ngành, của tỉnh khi: Tổng kết Luật, Nghị định, Nghị quyết, Chỉ thị, Dự án, Đề án, Chương trình,... của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; việc đề nghị khen thưởng được thực hiện sau khi được sự thống nhất của Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch tổ chức: số lượng đề nghị khen thưởng áp dụng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

e) Đối với các Phong trào thi đua (chuyên đề) do Trung ương phát động thì việc tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện theo Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc hướng dẫn của Trung ương.

f) Cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích xuất sắc trong phong trào “Vì an ninh Tổ quốc”, công tác “quân sự, quốc phòng địa phương”, “công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ”, “Tết quân dân”, góp phần đảm bảo giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng - an ninh và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Hằng năm, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh xét chọn, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen không quá 20 trường hợp/nội dung. Riêng, đối với các hoạt động “Tết quân dân”: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh xét chọn, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng theo kế hoạch và chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Khen thưởng đột xuất

a) Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình lập thành tích đột xuất khi hoàn thành xuất sắc, vượt kế hoạch các nhiệm vụ đặc biệt, quan trọng, đột xuất do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao (nằm ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể, cá nhân phải đảm nhiệm hoặc được giao); có thành tích xuất sắc trong công tác tuyên truyền, vận động giải phóng mặt bằng các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh; có hành động mưu trí, dũng cảm trong truy bắt tội phạm đặc biệt nguy hiểm, trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án đặc biệt nghiêm trọng; có thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác phòng chống, khắc phục thiên tai, hỏa hoạn, tìm kiếm cứu nạn, rà phá bom mìn, vật liệu nổ; dũng cảm đấu tranh phòng, chống các tội phạm, tố cáo tham nhũng, lãng phí; giải quyết những việc đặc biệt của xã hội, có hành động, nghĩa cử cao đẹp, cứu giúp người, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của Nhân dân, gương người tốt, việc tốt được xã hội hoan nghênh, có phạm vi ảnh hưởng và tác dụng nêu gương trong toàn tỉnh.

b) Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho tập thể, hộ gia

đình, cá nhân sản xuất kinh doanh hiệu quả, vượt chỉ tiêu nộp ngân sách của kế hoạch năm, tổng số thuế phát sinh nộp ngân sách năm sau cao hơn năm trước. Trường hợp do nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch bệnh,...) nên số thuế nộp ngân sách giảm so năm trước nhưng vẫn thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước và các quy định khác, nhiều năm liền có số thuế nộp lớn (theo quy định ngành thuế; có tiêu chuẩn cụ thể), có nhiều đóng góp cho ngân sách của tỉnh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho tập thể là cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh; cá nhân đang công tác, học tập tại các cơ quan, đơn vị, trường học trên địa bàn tỉnh được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh cử (hoặc có văn bản đồng ý) tham dự các kỳ thi, hội thi, hội diễn, liên hoan, ngày hội, các giải thi đấu trên tất cả các lĩnh vực do bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương tổ chức với quy mô cấp khu vực, cấp quốc gia, quốc tế, cụ thể:

Đạt giải khuyến khích trở lên quy mô quốc tế, khu vực.

Đạt giải Đặc biệt; giải Nhất, Nhì, Ba (hoặc Huy chương Vàng, Bạc, Đồng) cấp khu vực, cấp quốc gia hoặc tương đương.

Tập thể xếp hạng Nhất, Nhì, Ba toàn đoàn do tỉnh tổ chức (Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh làm Trưởng ban, Chủ tịch Hội đồng hoặc ký ban hành Kế hoạch tổ chức, Điều lệ (Thẻ lệ) giải thưởng).

Huấn luyện viên, giáo viên trực tiếp huấn luyện, bồi dưỡng tập thể, cá nhân dự thi giải cấp quốc gia đạt giải Nhất (Huy chương Vàng), giải cấp quốc tế đạt giải Nhất, Nhì, Ba (Huy chương Vàng, Bạc, Đồng) hoặc tương đương.

Mỗi tập thể, cá nhân chỉ được tặng Bằng khen một lần trong mỗi kỳ thi, hội thi, hội diễn, liên hoan, ngày hội, giải thi đấu.

d) Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho tập thể, hộ gia đình, cá nhân đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, y tế, giáo dục, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo, cụ thể:

Tập thể, hộ gia đình, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc giữ gìn, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, được công nhận di tích, di sản văn hóa cấp quốc gia, đóng góp công sức trên các lĩnh vực y tế, văn hóa, xã hội, kinh tế, an ninh - quốc phòng, góp phần giữ vững an ninh trật tự, phát triển kinh tế xã hội tỉnh.

Người hiến máu có nhóm máu hiếm (RhD âm).

Tập thể đóng góp một lần có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên; hộ gia đình, cá nhân đóng góp một lần có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên; tập thể, cá nhân là người nước ngoài có mức đóng góp như trong nước. Trường hợp đóng góp lần đầu chưa đến mức tặng Bằng khen thì có thể cộng dồn (tối đa trong 01 năm) và đóng góp cộng dồn đối với tập thể có giá trị từ 250 triệu đồng trở lên; đối với hộ gia đình và cá nhân có giá trị từ 150 triệu đồng trở lên.

Tập thể vận động đóng góp một lần có giá trị từ 400 triệu đồng trở lên; hộ gia đình, cá nhân vận động đóng góp một lần có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên.

4. Khen thưởng đối ngoại

Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích đóng góp trong xây dựng, củng cố tình đoàn kết, hữu nghị, hợp tác, trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh.

5. Khen thưởng cụm, khối thi đua do tỉnh tổ chức

a) Đối với tập thể thuộc cụm, khối thi đua thuộc tỉnh: Hoàn thành các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; tổ chức đảng, đoàn thể (nếu có) được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, thực hiện tốt quy định của cụm, khối thi đua; được thành viên trong khối, cụm bình xét với tỷ lệ đồng ý trên 70%. Tiêu chí, số lượng khen thưởng thực hiện theo quy định, hướng dẫn về tổ chức hoạt động và bình xét thi đua cụm, khối thi đua.

b) Cơ quan, đơn vị thuộc ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh (do bộ, ban, ngành Trung ương, cơ quan Trung ương quản lý về biên chế, quỹ lương) và doanh nghiệp (bao gồm các ngân hàng thương mại) là thành viên cụm, khối thi đua của tỉnh, nếu đạt Cờ thi đua của tỉnh hoặc Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thì được xét chọn 5% tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc quyền quản lý (nhưng không quá 20 người), lập được nhiều thành tích trong công tác, lao động, sản xuất, tích cực tham gia các phong trào thi đua của tỉnh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

Điều 9. Giấy khen

1. Việc xét tặng giấy khen cho tập thể, hộ gia đình, cá nhân thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 75 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Giấy khen để tặng hằng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt trở lên nhiệm vụ chuyên môn tại cơ quan, đơn vị, địa phương được giao trong năm.

b) Có phẩm chất đạo đức tốt; giữ gìn đoàn kết nội bộ, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Nội quy, Quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị, địa phương; tích cực tham gia các Phong trào thi đua, hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội do cơ quan, đơn vị, địa phương phát động và triển khai thực hiện.

c) Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Giấy khen để tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt trở lên nhiệm vụ được giao hằng năm.

b) Nội bộ đoàn kết, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở và tổ chức, thực hiện tốt các Phong trào thi đua.

c) Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

d) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

4. Giấy khen tặng cho tập thể, hộ gia đình, cá nhân có thành tích đột xuất, dũng cảm cứu người, cứu tài sản, chống tham nhũng, gương người tốt, việc tốt, có thành tích xuất sắc trong công tác, trong Phong trào thi đua; tập thể, cá nhân đạt thành tích cao tại các hội thi, hội diễn.

5. Giấy khen tặng cho tập thể, hộ gia đình, cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho sự phát triển của đơn vị, địa phương (quy ra thành tiền) cụ thể như sau:

a) Giấy khen tặng cho tập thể có mức đóng góp một lần từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng; hộ gia đình, cá nhân có mức đóng góp một lần từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng; tập thể, cá nhân là người nước ngoài có mức đóng góp như trong nước. Trường hợp mức đóng góp lần đầu chưa đến mức tặng Giấy khen, thì có thể cộng dồn (tối đa trong 01 năm) và mức đóng góp cộng dồn đối với tập thể có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 250 triệu đồng; đối với hộ gia đình, cá nhân có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 150 triệu đồng;

b) Giấy khen tặng cho tập thể vận động đóng góp một lần có giá trị từ 350 triệu đồng đến dưới 400 triệu đồng; hộ gia đình, cá nhân vận động đóng góp một lần có giá trị từ 150 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng.

Mục 3

HỒ SƠ, THỦ TỤC XÉT TẶNG ĐỐI VỚI CÁC DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 10. Quy định chung về hồ sơ, thủ tục khen thưởng

1. Khi họp xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh”, “Cờ thi đua tỉnh”, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh khen thưởng phải tiến hành bỏ phiếu; nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản và được thể hiện trong Biên bản cuộc họp.

a) Đối với cá nhân được đề nghị khen thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh”, phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh từ 90% trở lên;

b) Đối với tập thể được đề nghị danh hiệu “Cờ thi đua của tỉnh”, phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của thành viên cụm, khối thi đua và của thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh từ 80% trở lên;

c) Đối với cá nhân được đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng từ 80% trở lên.

2. Khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh thì cơ quan, đơn vị, địa phương gửi bản giấy (bản chính) của hồ sơ khen thưởng; đồng thời gửi các tệp tin điện tử (file pdf của hồ sơ khen thưởng, file word của Tờ trình kèm danh sách của sở, ban, ngành, xã/phường) đến Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành, trừ văn bản có nội dung bí mật Nhà nước. Hồ sơ đề nghị khen thưởng chỉ được tiếp nhận khi Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) nhận được bản giấy (bản chính) của hồ sơ và các tệp tin điện tử của hồ sơ theo đúng quy định.

3. Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể, hộ gia đình được đề nghị khen thưởng phải phù hợp với điều kiện, tiêu chuẩn của danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng theo quy định; đảm bảo đúng mẫu tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

4. Việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân:

a) Đối với tập thể: thực hiện theo quy định của Đảng về kiểm điểm, đánh giá và xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị, cũng như theo quy định của các sở, ban, ngành, xã/phường có liên quan;

b) Đối với cá nhân: thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

5. Nơi tiếp nhận đóng góp (công sức, vật chất, tiền) hoặc cơ quan, đơn vị quản lý theo lĩnh vực đề nghị (hoặc xác nhận thành tích) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen.

Điều 11. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 84 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng hoặc truy tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Giấy khen của Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng;

b) Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen thưởng;

c) Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng;

d) Chứng nhận hoặc xác nhận của người đứng đầu công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ để làm căn cứ đề nghị các hình thức khen thưởng cho cá nhân theo tiêu chuẩn có sáng kiến hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và

công nghệ. Văn bản xác nhận theo Mẫu số 13 của Phụ lục kèm theo Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

đ) Trường hợp cá nhân, tập thể được đề nghị Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh do lập được thành xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh hoặc có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện, nhân đạo thì phải có chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về thành tích đề nghị khen thưởng.

Điều 12. Đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng đối với: danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”; Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng theo công trạng và khen thưởng chuyên đề, đột xuất.

2. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) là cơ quan tham mưu thẩm định thành tích, thông qua Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét, kết luận trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng công trạng đối với tập thể là các sở, ban, ngành tỉnh, xã/phường và tổ chức tương đương; cá nhân thuộc diện Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý khi đề nghị tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

Việc đề nghị khen thưởng cấp tỉnh đối với tập thể, cá nhân thuộc tổ chức tôn giáo, tổ chức nước ngoài phải có ý kiến của Sở Dân tộc và Tôn giáo, Công an tỉnh và cơ quan có liên quan.

3. Ban Thường vụ Đảng ủy sở, ban, ngành tỉnh, xã/phường phải có ý kiến bằng văn bản trước khi trình khen thưởng công trạng đối với các tập thể thuộc xã/phường và cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy xã/phường quản lý khi đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước.

4. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) chịu trách nhiệm công khai lấy ý kiến Nhân dân đối với tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước, gồm: Huân chương, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, danh hiệu vinh dự nhà nước trên các phương tiện thông tin của tỉnh: Báo và Phát thanh, truyền hình Vĩnh Long và Cổng thông tin điện tử Ủy ban nhân dân tỉnh ít nhất 10 ngày làm việc trước khi họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (trừ trường hợp đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản).

Chương III TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP

Điều 13. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (sau đây viết tắt là Hội đồng) là

tổ chức phối hợp liên ngành, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, có trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

2. Thành phần Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Các Phó Chủ tịch Hội đồng:

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng;

Giám đốc Sở Nội vụ, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng;

Mời đại diện Lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng.

c) Thành phần và số lượng thành viên Hội đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, gồm đại diện lãnh đạo sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh.

3. Hội đồng có các nhiệm vụ, quyền hạn:

Tham mưu với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện những nhiệm vụ sau:

a) Phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền.

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn; tổ chức thi đua theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

c) Kiểm tra các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng; đề xuất, sửa đổi, bổ sung các quy định về công tác thi đua, khen thưởng cho phù hợp với Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

d) Quyết định tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

đ) Tổng kết, đánh giá các phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng trong phạm vi toàn tỉnh thông qua tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước cấp tỉnh; hướng dẫn tổ chức Hội nghị biểu dương gương người tốt, việc tốt hoặc Hội nghị tuyên dương điển hình tiên tiến, Hội nghị biểu dương những người lao động giỏi, lao động sáng tạo các cấp... (tổ chức định kỳ 05 năm 01 lần theo hướng dẫn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương).

4. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng

Hội đồng hoạt động theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, biểu quyết theo đa số, các ý kiến khác nhau của các thành viên Hội đồng về việc đề xuất các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng đều được báo cáo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Hội đồng để xem xét, quyết định.

5. Chế độ họp, sinh hoạt của Hội đồng

a) Hội đồng họp định kỳ (06 tháng, năm), đột xuất hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để kiểm tra, đánh giá các phong trào thi đua, công tác khen thưởng và hoạt động của Hội đồng hoặc xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

Hội đồng họp trực tiếp xét danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, danh hiệu “Anh hùng lao động”, danh hiệu “Chiến sĩ Thi đua toàn quốc”, danh hiệu “Cờ thi đua Chính phủ”. Giao cơ quan Thường trực Hội đồng tham mưu Giám đốc Sở Nội vụ chuẩn bị hồ sơ, lấy ý kiến thành viên Hội đồng và đăng ký lịch họp Hội đồng. Các tập thể, cá nhân được đề nghị xét tặng các danh hiệu nêu trên khi có số phiếu đồng ý đạt từ 90% trở lên (riêng danh hiệu “Cờ thi đua Chính phủ” đạt từ 80% trở lên) tính trên tổng số Ủy viên Hội đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 33 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

Đối với cuộc họp có nội dung về xem xét, đề nghị phong tặng, truy tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, danh hiệu “Anh hùng lao động”, tặng danh hiệu “Chiến sĩ Thi đua toàn quốc”, danh hiệu “Cờ thi đua Chính phủ” phải có ít nhất 90% tổng số thành viên Hội đồng tham dự.

Việc xét tặng Huân chương các loại; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ đối với các tập thể là các sở, ban, ngành, các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh, các doanh nghiệp, các xã/phường và các cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, Chủ tịch Hội đồng xem xét quyết định kết luận từng trường hợp cụ thể trên cơ sở đề xuất của Thường trực Hội đồng và ý kiến thảo luận của thành viên Hội đồng.

b) Trong trường hợp Hội đồng không tổ chức họp trực tiếp xét khen thưởng: Cơ quan Thường trực Hội đồng tham mưu Giám đốc Sở Nội vụ thực hiện thu thập thông tin và tổng hợp ý kiến các thành viên Hội đồng bằng văn bản theo quy định.

Trường hợp có 40% trở lên thành viên Hội đồng chưa thể hiện chính kiến rõ ràng (đồng ý hoặc không đồng ý), hoặc có nhiều ý kiến khác nhau, cơ quan Thường trực Hội đồng tham mưu với Thường trực Hội đồng có văn bản trao đổi với thành viên Hội đồng để thống nhất ý kiến, sau đó tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định và thông tin với thành viên Hội đồng bằng văn bản hoặc trong cuộc họp Hội đồng gần nhất.

c) Các cuộc họp của Hội đồng họp lệ khi có 2/3 tổng số thành viên tham dự (trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều này). Chủ tịch Hội đồng chủ trì hoặc ủy quyền Phó Chủ tịch thứ Nhất hoặc Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng chủ trì cuộc họp.

Trong trường hợp thành viên của Hội đồng vắng mặt thì có thể ủy quyền người đại diện lãnh đạo đơn vị họp thay và gửi ý kiến tham gia bằng văn bản trước cuộc họp của Hội đồng. Người đi dự họp thay phải chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của thành viên Hội đồng ủy quyền, được tham gia phát biểu ý kiến, thảo

luận và chịu trách nhiệm về nội dung phát biểu tại cuộc họp nhưng không được biểu quyết dưới mọi hình thức. Sau cuộc họp, người được ủy quyền dự họp thay phải báo cáo nội dung cuộc họp cho thành viên Hội đồng ủy quyền để thành viên Hội đồng có ý kiến biểu quyết (nếu có).

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng có thể mời thêm đại diện là Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan cùng tham dự cuộc họp để trao đổi, thảo luận, phát biểu quan điểm về các vấn đề Hội đồng quan tâm. Đại diện được mời không có quyền biểu quyết tại cuộc họp.

6. Thường trực Hội đồng gồm: Chủ tịch Hội đồng, các Phó Chủ tịch Hội đồng và Ủy viên Thường trực Hội đồng.

7. Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ là cơ quan Thường trực Hội đồng.

Điều 14. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các sở, ban, ngành tỉnh và tương đương

1. Thành phần Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng cơ quan;

b) Thành phần Phó Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên thường trực Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng quyết định, đảm bảo việc xét thi đua, khen thưởng công tâm, khách quan, chính xác, kịp thời.

2. Số lượng Ủy viên Hội đồng (bao gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch); nguyên tắc hoạt động của Hội đồng; chế độ họp, sinh hoạt của Hội đồng do Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và tương đương quy định.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng:

Tham mưu giúp Thủ trưởng cơ quan phát động các Phong trào thi đua theo thẩm quyền. Định kỳ đánh giá kết quả Phong trào thi đua và công tác khen thưởng hằng năm; kiến nghị đề xuất chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước phù hợp với chức năng nhiệm vụ, tình hình và điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị; kiểm tra các Phong trào thi đua và thực hiện chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng. Xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định.

Điều 15. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã

1. Thành phần Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên thường trực Hội đồng, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) 02 Phó Chủ tịch Hội đồng: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường (phụ trách Văn hóa - Xã hội) là Phó Chủ tịch thường trực; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã là Phó Chủ tịch.

c) Trường phòng chuyên môn phụ trách lĩnh vực thi đua, khen thưởng làm Ủy viên thường trực.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ quy định hiện hành và điều kiện thực tế của địa phương quyết định thành phần, số lượng ủy viên Hội đồng cho phù hợp, có đại diện của các cơ quan đảng, đoàn thể, các phòng chuyên môn; quy định về nguyên tắc hoạt động, chế độ họp, sinh hoạt của Hội đồng.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng:

Tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương phát động các Phong trào thi đua theo thẩm quyền. Định kỳ 6 tháng, năm, đánh giá kết quả Phong trào thi đua và công tác khen thưởng; sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh Phong trào thi đua yêu nước phù hợp với nhiệm vụ phát triển của địa phương. Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường kiểm tra các Phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng; xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định.

Chương IV

THỦ TỤC HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG CẤP TỈNH; THU HỒI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG VÀ TIỀN THƯỞNG

Điều 16. Hồ sơ, thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Cá nhân, tập thể, hộ gia đình người Việt Nam; cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài; các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xét thi đua, khen thưởng có hành vi thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật Thi đua, khen thưởng bị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

2. Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định việc tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật Thi đua, khen thưởng thì cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng ban hành quyết định hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng gồm:

a) Tờ trình của sở, ban, ngành tỉnh và tương đương, Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị thu hồi đối với từng danh hiệu thi đua, loại hình khen thưởng của cá nhân, tập thể, hộ gia đình;

b) Báo cáo tóm tắt của cơ quan trực tiếp trình khen thưởng về lý do trình

cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (kèm theo Quyết định khen thưởng).

4. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) tổng hợp hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Hồ sơ Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) trình Ủy ban nhân dân tỉnh gồm: Tờ trình của Sở Nội vụ kèm theo hồ sơ được quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 17. Thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định hủy bỏ danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của cấp có thẩm quyền, cá nhân, tập thể, hộ gia đình có trách nhiệm nộp lại đầy đủ hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận cho cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khen thưởng.

2. Sở, ban, ngành tỉnh và tương đương, xã/phường có trách nhiệm đơn đốc cá nhân, tập thể, hộ gia đình nộp lại hiện vật khen thưởng đã nhận đúng thời hạn và gửi về Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hiện vật thu hồi; tiền thưởng bị thu hồi được nộp vào ngân sách Nhà nước hoặc quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định.

3. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) có trách nhiệm đơn đốc sở, ban, ngành tỉnh và tương đương, xã/phường, tổ chức thu hồi hiện vật khen thưởng đã nhận.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các ngành, các cấp thực hiện Quy định này và theo dõi, tổng hợp những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện để trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Những nội dung về công tác thi đua, khen thưởng không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi đua, khen thưởng và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Thủ trưởng các cơ quan Đảng; Nhà nước; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức hội; các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế; các doanh nghiệp; đơn vị sự nghiệp công lập; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm chỉ đạo phổ biến, tổ chức thực hiện Quy định này trong cơ quan, đơn vị, địa phương và Nhân dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.